UỶ BAN NHÂN DÂN **Tỉnh Thái Nguyên** ---	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---------- K/36b

Số: 2426/2002/QĐ-UB *Thái nguyên, ngày 15 tháng 8 năm 2002*

QUYẾT ĐỊNH CỦA UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

V/v phê duyệt Đề án sắp xếp Doanh nghiệp nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2002 - 2005

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND.
- Căn cứ Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19/6/2002 của Chính phủ về chuyển Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần, Nghị định số 103/1999/NĐ-CP ngày 10/9/1999 của Chính phủ về giao, bán, khoán kinh doanh và cho thuê doanh nghiệp Nhà nước và Nghị định số 49/2002/NĐ-CP ngày 24/4/2002 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/1999/NĐ-CP.

- Căn cứ Quyết định số 58/2002/QĐ-TTg ngày 26/4/2002 của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí, danh mục phân loại DNNN và Tổng công ty Nhà nước.

- Căn cứ văn bản số 2556/VPCP-ĐMDN ngày 15/5/2002 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn xây dựng Đề án sắp xếp DNNN của các địa phương.

- Theo báo cáo, đề nghị của Thường trực Ban chỉ đạo Đổi mới và phát triển DNNN tỉnh Thái Nguyên (sau khi đã lấy ý kiến tham gia của các ngành liên quan và các ngành thành viên Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển DNNN tỉnh) tại văn bản số 41/TT-BCĐ ngày 8/8/2002 về việc đề nghị phê duyệt Đề án sắp xếp Doanh nghiệp Nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2002-2005.

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1: - Phê duyệt Đề án sắp xếp Doanh nghiệp Nhà nước của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2002 - 2005 với nội dung cụ thể như sau:
(có đề án chi tiết kèm theo quyết định này).

Điều 2: - Căn cứ nội dung phê duyệt tại điều 1. Thường trực Ban chỉ đạo Đổi mới và phát triển doanh nghiệp Nhà nước tỉnh Thái Nguyên (sở Kế hoạch và Đầu tư) phối hợp cùng các ngành thành viên Ban chỉ đạo và các ngành liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm trình UBND tỉnh

quyết định triển khai thực hiện và hướng dẫn các ngành, các doanh nghiệp được giao nhiệm vụ thực hiện sắp xếp, đổi mới quản lý DNNN tổ chức thực hiện theo đúng các quy định, chỉ đạo của Chính phủ, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương và chỉ đạo của UBND tỉnh.

Điều 3:- Các đ/c: Chánh Văn phòng HĐND và UBND tỉnh, Trưởng Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển DNNN tỉnh Thái Nguyên, Giám đốc sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc sở Tài chính-Vật giá, Giám đốc sở Lao động - Thương binh và xã hội, Giám đốc các sở ngành có liên quan và các ngành thành viên Ban chỉ đạo Đổi mới và phát triển DNNN tỉnh có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký và được thực hiện từ năm 2002 đến năm 2005./.

Nơi nhận:
- VP. Chính phủ
- Bộ KH và ĐT
- Bộ Tài chính
- TT. Tỉnh uỷ TN (để báo cáo)
- TT. HĐND tỉnh (để biết và kiểm tra)
- Như điều 3 (để thực hiện)
- Các đ/c CT & PCT.UBND tỉnh (để biết và chỉ đạo TH)
- Lưu: VP-KTTH-SXKD TH. (K5.K)

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Kim

UỶ BAN NHÂN DÂN
Tỉnh Thái Nguyên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN
SẮP XẾP DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2002 -2005

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2426/2002/QĐ-UB, ngày 15 /8/2002 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

PHẦN I
I- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 20/1998/CT-TTG NGÀY 21/4/1998 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ)

A- TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 20/1998/CT-TTG ĐẾN NAY

I/ SỐ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC (DNNN) ĐÃ THỰC HIỆN SẮP XẾP.

1) Số doanh nghiệp đã cổ phần hoá:

- Số lượng: 08 doanh nghiệp

- Tổng số giá trị thực tế vốn nhà nước trước khi thực hiện cổ phần hoá: 14.650,0 triệu đồng.

Trong đó:

+ Bộ phận doanh nghiệp được cổ phần hoá: 01 đơn vị - vốn nhà nước: 680,0 triệu đồng.

+ Doanh nghiệp nhà nước độc lập: 7 doanh nghiệp, (vốn nhà nước + vốn tự bổ xung): 13.970,0 triệu đồng;

Trong đó: - Vốn nhà nước tham gia: 7.470,0 triệu đồng (có 1 DNNN tham gia cổ phần chi phối tỷ lệ 71% vốn điều lệ bằng: 5.100,0 triệu đồng)

- Vốn của cổ đông là người lao động trong doanh nghiệp: 13.352,0 triệu đồng

2) Doanh nghiệp đã thực hiện bán cho tập thể người lao động theo Nghị định 103/NĐ-CP:

- Số lượng: 04 doanh nghiệp.

- Tổng số giá trị thực tế vốn nhà nước trước khi sắp xếp lại: 455,0 triệu đồng.

- Các doanh nghiệp thực hiện bán đã thành lập Công ty cổ phần với vốn điều lệ: 4.341,0 triệu đồng

3) Các hình thức giao, sáp nhập, hợp nhất, chuyển thành đơn vị sự nghiệp có thu, chuyển đi nơi khác (không có).

4) Doanh nghiệp đã thực hiện giải thể, phá sản:

a) Số doanh nghiệp giải thể:

- Số lượng: 02 doanh nghiệp

- Tổng số vốn nhà nước theo số sách đến thời điểm giải thể: 2.492,0 triệu đồng.

b) Số doanh nghiệp thực hiện phá sản: Không có doanh nghiệp nào

II/ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC GIỮ NGUYÊN PHÁP NHÂN: Hiện còn và thực trạng.

1- Số lượng: 40 doanh nghiệp.

2 - Tổng vốn nhà nước (gồm cả vốn tự bổ xung): 977.745,0 triệu đồng.

Trong đó:

2.1- Doanh nghiệp có quy mô vốn: (có phụ lục kèm theo)

+ Quy mô vốn dưới 1 tỷ đồng: 11 doanh nghiệp

+ Quy mô vốn từ 1 tỷ đến dưới 5 tỷ: 26 doanh nghiệp

+ Quy mô vốn từ 5 tỷ đến dưới 10 tỷ: 01 doanh nghiệp

+ Quy mô vốn từ 10 tỷ đến dưới 20 tỷ: 01 doanh nghiệp

+ Quy mô vốn từ 20 tỷ trở lên: 01 doanh nghiệp

2.2 - Phân theo lĩnh vực hoạt động (doanh nghiệp công ích, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh):

+ Doanh nghiệp công ích: có 6 DN Tổng vốn: 899.404,0 triệu đồng.

Số TT	Tên Doanh nghiệp	Vốn nhà nước (Tr.đồng)
1	- Công ty Quản lý và sửa chữa đường bộ Thái Nguyên	3.764,0
2	- Công ty quản lý khai thác công trình thuỷ lợi TN.	856.323,0
3	- Công ty phát hành sách	1.356,0
4	- Công ty sách thiết bị trường học	1.882,0
5	- Công ty Quản lý Đô thị Thái Nguyên	3.486,0
6	- Công ty Muối Iốt	2.593,0
	Cộng:	**899.404,0**

* (Hiện tại cả 6 doanh nghiệp này hàng năm ngân sách của tỉnh vẫn phải chi một phần cho thực hiện các nhiệm vụ nhà nước giao)

+ Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh: 34 DN ;Tổng vốn: 78.341,0 triệu đồng

Số TT	Tên Doanh nghiệp	Vốn nhà nước (Tr.đồng)

Số TT	Tên Doanh nghiệp	Vốn nhà nước (Tr.đồng)
1.	- Công ty cấp nước Thái Nguyên	15.842,0
2.	- Công ty vật tư nông lâm nghiệp thuỷ lợi	6.438,0
3.	- Công ty Xuất nhập khẩu Thái Nguyên	4.123,0
4.	- Công ty Thương nghiệp I	2.485,0
5.	- Công ty Thương nghiệp II	4.061,0
6.	- Công ty dịch vụ Khách sạn Thái Nguyên	3.944,0
7.	- Công ty xổ số kiến thiết tỉnh Thái Nguyên	1.016,0
8.	- Công ty công trình giao thông I	4.156,0
9.	- Công ty tư vấn xây dựng giao thông	448,0
10.	- Công ty tư vấn xây dựng nông nghiệp và PTNT TN	684,0
11.	- Công ty lâm sản Bắc Thái	1.494,0
12.	- Lâm trường Đại Từ	1.507,0
13.	- Lâm trường Võ Nhai	1.995,0
14.	- Lâm trường Định Hoá	1.634,0
15.	- Nông trường Phú Lương	352,0
16.	- Công ty sản xuất dịch vụ tổng hợp Thái Nguyên	806,0
17.	- Công ty Dâu tằm tơ và Xí nghiệp ươm tơ	1.078,0
18.	- Công ty May Thái Nguyên	3.138,0
19.	- Công ty xây lắp điện Bắc Thái	2.039,0
20.	- Công ty Khoáng sản Thái Nguyên	786,0
21.	- Xí nghiệp chế biến thực phẩm	1.342,0
22.	- Công ty XD hạ tầng & sản xuất VLXD	1.754,0
23.	- Công ty XD khai thác than Thái Nguyên	786,0
24.	- Công ty tư vấn xây dựng Thái Nguyên	646,0
25.	- Công ty xây dựng số I	657,0
26.	- Công ty xây dựng số II	896,0
27.	- Công ty xây dựng Đô thị	1.781,0
28.	- Công ty Gạch ngói Cao ngạn	800,0
29.	- Xí nghiệp nước khoáng và nước giải khát	196,0
30.	- Công ty tấm lợp và VLXD	2.163,0

Số TT	Tên Doanh nghiệp	Vốn nhà nước (Tr.đồng)
31.	Công ty xây dựng Thái Nguyên	1.851,0
32.	- Nhà máy xi măng Cao Ngạn	1.857,0
33.	- Xí nghiệp In Bắc Thái	1.470,0
34.	- Công ty Dược Thái Nguyên	4.117,0
	Cộng:	**78.341,0**

2.3 - Phân loại theo ngành nghề:

Ngành	Số lượng doanh nghiệp	Tổng vốn nhà nước (Tr.đồng)
- Công nghiệp	7	9386,0
- Nông nghiệp	8	900.426,0
- Xây dựng	11	29.032,0
- Thương mại và du lịch	5	17.206,0
- Văn hoá-giáo dục-y tế	4	8825,0
- Tài chính	1	1.016,0
- Giao thông	3	8.368,0
- Quản lý Đô thị	1	3.486,0
Cộng:	**40**	**977.745,0**

2.4 - Phân loại theo kết quả sản xuất- kinh doanh năm 2001: (theo số liệu báo cáo của doanh nghiệp)

Lỗ: 15 doanh nghiệp	Tổng số lỗ phát sinh: 4.493,0 triệu đồng. - Lỗ luỹ kế: 26.864 triệu đồng
Lãi: 19 doanh nghiệp	Tổng số lãi: 5.725,0 (triệu đồng)
Hoà: 6 doanh nghiệp	(trong đó có Xí nghiệp nước khoáng và nước giải khát đã ngừng kinh doanh trên 2 năm)

2.5 - Một số chỉ tiêu cơ bản năm 2001:

- *Tổng doanh thu:* 605.263,0 triệu đồng

- *Tổng nộp ngân sách:* 19915,0 triệu đồng

- *lãi thực hiện trước thuế:* 5.725,0 triệu đồng

- *Tổng nợ phải trả:* 391.901,0 triệu đồng

- *Tổng nợ phải thu:* 213.660,0 triệu đồng.

Trong đó: nợ khó đòi: 9.407,0 triệu đồng.

B- ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ NHỮNG KẾT QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC, TỒN TẠI, NGUYÊN NHÂN, BÀI HỌC KINH NGHIỆM TRONG VÀ SAU THỰC HIỆN CHỈ THỊ 20/1998/CT-TTG GIAI ĐOẠN 2000 ĐỂ PHỤC VỤ CHO CÔNG TÁC SXĐM VÀ PHÁT TRIỂN DNNN GIAI ĐOẠN TIẾP THEO:

1. Những kết quả đạt được:

- Từ khi có Nghị định 44/1998/NĐ-CP ngày 29/6/1998 của Chính phủ và Chỉ thị 20/1998/CT-TTg. Tỉnh Thái Nguyên đã tích cực bám sát và xây dựng được Đề án triển khai và có bước đi khá hợp lý.

- Tính đến 31/12/2001, đã sắp xếp, đổi mới được14 doanh nghiệp chiếm tỷ lệ 25.92 % số DNNN hiện có. Tốc độ sắp xếp, đổi mới cao hơn so với bình quân chung cả nước. Tổng số tiền bán cổ phần, bán doanh nghiệp giải thể thu được là:2.415,0 triệu đồng. Trong đó:

+ Để lại DN theo phương án CPH : 2.375,0 triệu đồng.

+ thực thu vào quỹ 177: 40,0 triệu đồng.

+ giải thể doanh nghiệp là: 0 triệu đồng

- Sau chuyển đổi, cơ bản các doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, năng động hơn trước; ổn định, tăng thu nhập và tinh thần làm chủ của người lao động được tốt hơn. Cụ thể: Trong 8 doanh nghiệp Cổ phần hoá, không có doanh nghiệp nào thua lỗ; các doanh nghiệp đều duy trì được việc làm ổn định cho người lao động. Nhiều doanh nghiệp thu hút được thêm lao động, quản lý

có nề nếp hơn. Riêng 4 Công ty cổ phần hoá được từ 1 đến 3 năm có 3 Công ty có mức tăng doanh thu hàng năm từ 20 đến 35%. (Công ty cổ phần Bê tông và xây dựng Thái Nguyên, Công ty cổ phần Giấy xuất khẩu Thái Nguyên, Công ty cổ phần vật phẩm văn hoá tổng hợp Thái Nguyên); Công ty cổ phần vận tải Thái Nguyên có mức tăng tỷ lệ thấp hơn, đạt 1%; 4 doanh nghiệp thực hiện bán cho tập thể người lao động thì đã thành lập lại thành Công ty cổ phần, đã hoạt động được trên 1 năm và 6 tháng cơ bản đã chấm dứt được thua lỗ về kinh doanh sau nhiều năm lỗ kéo dài, có thu hút được lao động, thu nhập người lao động tăng.

- Nhận thức về sự cần thiết phải sắp xếp, đổi mới phát triển DNNN của các cấp lãnh đạo, của cơ quan quản lý và DNNN đã có chuyển biến rõ rệt, sâu sắc hơn. Do đó đã có kế hoạch sắp xếp DNNN được triển khai sớm; có bước đi và giải pháp cụ thể hơn và kiên quyết hơn.

Hoạt động của Ban ĐMPT DNNN tỉnh được kiện toàn và bồi dưỡng khá tốt về nghiệp vụ.

2. Những tồn tại chủ yếu:

- Nhận thức chung về đổi mới DNNN còn chưa đồng đều, nhiều lo ngại sau đổi mới DNNN sẽ chuyển sang tư nhân hoá. Trong khi đó chính sách nhà nước còn thiếu, chưa đồng bộ, thậm chí đã có văn bản chính sách nhưng việc quy định thiếu nhất quán như: Chế độ người lao động trong bán doanh nghiệp theo Nghị định 41 là còn chưa thoả đáng, chưa được ưu đãi như đối với người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hoá cùng thời điểm này. Do đó tư tưởng vừa chuyển đổi,vừa nghe ngóng, chờ đợi dẫn tới việc chuyển đổi chưa nhanh, chưa kiên quyết.

- Một số doanh nghiệp đã sắp xếp đổi mới còn lúng túng trong hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Nếp sản xuất kinh doanh cũ còn ảnh hưởng khá nặng.

một số doanh nghiệp có hiệu quả sản xuất kinh doanh chưa cao. Phần lớn doanh nghiệp sau chuyển đổi chưa có đột phá hoặc chưa tìm được phương án sản xuất kinh doanh khác mà vẫn sản xuất kinh doanh trên cơ sở các ngành nghề kinh doanh cũ, chưa có doanh nghiệp nào đăng ký tăng thêm vốn điều lệ.

- Bộ máy lãnh đạo của các doanh nghiệp này cơ bản vẫn là bộ máy quản lý cũ được bầu lại, nên một số cán bộ chưa thoát khỏi những ràng buộc tư duy cũ nên hạn chế sự năng động. Một số cán bộ được bầu mới nhưng lại thiếu kiến thức quản lý, kiến thức kinh doanh nên chưa phát huy tác dụng nhiều.

- Hiểu về quyền làm chủ của cổ đông còn rất hạn chế, đặc biệt là các cổ đông là công nhân viên còn lại. Từ đó, một số có xu hướng là giao toàn bộ cho Hội đồng quản trị, số khác lại có xu hướng tham gia trực tiếp vào các quan hệ của doanh nghiệp, kiểm tra, kiểm soát mọi hoạt động của doanh nghiệp mọi lúc mọi nơi gây nhiều khó khăn cho hoạt động của Công ty sau cổ phần.

- Một số vướng mắc về quy định hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên trong Công ty cổ phần chưa có hướng dẫn cụ thể.

3. Bài học kinh nghiệm:

a) Muốn đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, đổi mới phát triển DNNN phải có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kiên quyết của Tỉnh uỷ, UBND cấp tỉnh. Trên cơ sở đó có kế hoạch cụ thể, phải xây dựng quy chế phối hợp thực hiện giữa các ngành thành viên Ban chỉ đạo với các Sở liên quan và doanh nghiệp. Quá trình chỉ đạo phải kiên quyết, thống nhất, chống cục bộ; Ban chỉ đạo ĐM&PT DNNN của tỉnh phải đủ mạnh để làm tham mưu và điều hành trên cơ sở các quy định, quy chế hiện hành.

b) Công tác tuyên truyền phải làm đồng bộ, có chương trình và thống nhất về nội dung; báo cáo viên phải có trình độ; Tuyên truyền cần đủ thời

lượng cho tất cả các cấp, các ngành nhất là đối với các cán bộ cơ quan Đảng, các Sở ngành và trong doanh nghiệp để làm nòng cốt truyền đạt chủ trương, chính sách đến với người lao động.

c) Kế hoạch sắp xếp, đổi mới tổng thể và cụ thể, cần được công khai, minh bạch; làm rõ quy trình đổi mới và công khai quy trình thực hiện; trong thực hiện nhiệm vụ có phân công, phân nhiệm rõ ràng.

d) Quan tâm đến môi trường chung cho các doanh nghiệp; cần đặc biệt quan tâm giải quyết, xử lý các vấn đề phát sinh của các doanh nghiệp để thực hiện cổ phần hoá xong để các doanh nghiệp này là tấm gương tốt cho các doanh nghiệp còn lại tổ chức thực hiện đổi mới thắng lợi.

d) Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải cách doanh nghiệp; Tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách, môi trường đầu tư; Tăng cường tư vấn doanh nghiệp cho doanh nghiệp khi chuyển sang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

e) Tăng cường kiểm tra thực hiện tiến độ đã đề ra để có biện pháp chỉ đạo sát, hợp thực tế. Kịp thời rút kinh nghiệm công tác chỉ đạo, lãnh đạo tìm ra bước đi hợp lý./.

PHẦN II

ĐỀ ÁN TỔNG THỂ SẮP XẾP, ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN DNNN GIAI ĐOẠN 2002 - 2005.

A/ CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN TỔNG THỂ SẮP XẾP, ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN DNNN GIAI ĐOẠN 2002 - 2005.

1. Thực trạng DNNN hiện có:

a) Số lượng: 40 doanh nghiệp (trong đó có 6 doanh nghiệp công ích, 34 doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh).

* *Quy mô vốn:*

Số TT	Danh mục	Số lượng DNNN
1	- Vốn dưới 1 tỷ	11 DNNN (trong đó 100% là doanh nghiệp sản xuất kinh doanh
2	- Vốn từ 1 tỷ đến dưới 5 tỷ	26 DNNN (trong đó: 21 doanh nghiệp sản xuất kinh doanh; 5 doanh nghiệp công ích)
3	- Vốn từ 5 tỷ đến dưới 10 tỷ	1 DNNN sản xuất - kinh doanh.
4	- Vốn từ 10 tỷ đến 20 tỷ	1 DNNN sản xuất - kinh doanh.
5	- Vốn trên 20 tỷ	1 DNNN công ích.

* *Kết quả sản xuất - kinh doanh*: Đến 31/12/2002

- **Lỗ 15 doanh nghiệp**, trong đó lỗ luỹ kế đến 31/12/2001 là 26.910,0 triệu đồng

Trong đó: có 2 doanh nghiệp công ích: + Công ty Muối Iốt,

+ Công ty phát hành sách.

- **Lãi 19 doanh nghiệp**, trong đó tổng lại đến 31/12/2001 là 5.725,0 triệu đồng

Trong đó: có 3 doanh nghiệp công ích:

+ CTy QLý sửa chữa cầu đường bộ.

+ Công ty quản lý đô thị

+ Công ty Sách thiết bị trường học.

- **Hoà 6 doanh nghiệp** (trong đó có Xí nghiệp nước khoáng và nước giải khát đã ngừng hoạt động gần 3 năm nay).

b) Điều kiện cụ thể của Địa phương:

- Là một tỉnh miền núi còn nhiều khó khăn, vốn doanh nghiệp ít, khả năng chi trả tài chính giải quyết lao động dôi dư khó khăn.

- Một số doanh nghiệp sản xuất kinh doanh tuy không đạt quy mô như tiêu chí quy định tại Quyết định 58/2000/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ nhưng rất cần duy trì một số vốn nhà nước để đảm bảo ổn định một số vấn đề của địa phương.

2. Định hướng chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương đến 2010:

a) Nghị quyết Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ XVI đã xác định:

Các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội chủ yếu 2001 - 2005 là:

- Tốc độ tăng GDP bình quân hàng năm ít nhất là 7%, trong đó Nông, lâm nghiệp tăng 3 - 4%; Công nghiệp, xây dựng tăng 9 - 9,5%; Dịch vụ tăng 7 - 8%.

- Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 8%/năm.

- Cơ cấu kinh tế 2005 là: Công nghiệp - Dịch vụ - Nông, lâm nghiệp với tỷ trọng GDP như sau: + Công nghiệp, xây dựng : 34 - 35%

+ Dịch vụ : 33 - 34%

+ Nông, lâm nghiệp : 31 - 32%

- Về thu ngân sách năm sau tăng hơn năm trước 10%.

- Hàng năm giải quyết việc làm thêm cho 10.000 lao động.

b) Theo tinh thần chỉ đạo của Ban thường vụ tỉnh uỷ Thái Nguyên tại Thông báo 75 - TB/TU ngày 06/6/2000 và Thông báo 84 - TB/TU ngày 31/12/2001 đối với nhóm DNNN cần giữ 100% vốn thì củng cố nâng cao hiệu quả; nhóm DNNN không cần nắm 100% vốn thì chuyển đổi sở hữu theo các hình thức: cổ phần hoá, bán, khoán kinh doanh, cho thuê; Với Doanh nghiệp quá nhỏ, yếu thì có thể sáp nhập. Việc sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả DNNN theo tinh thần Nghị quyết TW3.

B/ PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP DNNN TỪ 2002 ĐẾN 2005:

1- Số lượng DNNN cần giữ nguyên 100% vốn nhà nước: 2 Doanh nghiệp

a) DNNN sản xuất - kinh doanh:

- Số lượng: 01 doanh nghiệp là Công ty xổ số kiến thiết Thái Nguyên

- Vốn nhà nước: 1.016,0 triệu đồng.

b) DNNN công ích:

- Số lượng: 01 doanh nghiệp là Công ty quản lý khai thác công trình thuỷ lợi Thái Nguyên

- Vốn nhà nước: 886.323,0 triệu đồng.

c) Dự kiến 02 Doanh nghiệp trên sẽ chuyển thành Công ty TNHH 1 thành viên.

2- Số lượng DNNN cổ phần hoá, giao, bán:

- Tổng số Doanh nghiệp: **32 doanh nghiệp**

- Tổng vốn nhà nước hiện có: **83.646,0 triệu đồng.**

Trong đó:

a) Thực hiện cổ phần hoá, Nhà nước nắm trên 50% tổng số cổ phần của doanh nghiệp: 4 doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp	Hình thức chuyển đổi	Vốn nhà nước (tr.đồng)
1. CTy quản lý đô thị Thái Nguyên	CPH	3.486,0
2. Công ty cấp nước Thái Nguyên	CPH	.5.841,0
3. CTy quản lý và sửa chữa cầu đường bộ TN	CPH	3.764,0
4. Xí nghiệp In Bắc Thái	CPH	1.470,0
Cộng:		**!4.561,0**

b) Thực hiện cổ phần hoá, Nhà nước nắm giữ cổ phần mức thấp (<=20%): 08 doanh nghiệp .

Tên doanh nghiệp	Hình thức chuyển đổi		Vốn nhà nước (Tr.đồng)
	CPH (<=20%)	Bán	
1. CTy tư vấn xây dựng Thái Nguyên	CPH		646,0
2. CTy tư vấn xây dựng giao thông	CPH		448,0
3. CTy tư vấn XD nông nghiệp và PT nông thôn TN.	CPH		684,0
4.Công ty Muối Iốt	CPH		2.593,0
5. CTy vật tư nông lâm nghiệp thuỷ lợi	CPH		6.438,0
6. CTy sách thiết bị trường học	CPH		1.882,0
7. CTy Phát hành sách Thái Nguyên	CPH		1.356,0
8. Công ty Thương nghiệp II Thái Nguyên	CPH		4.061,0
Cộng:			**18.108,0**

c) Thực hiện cổ phần hoá nhưng Nhà nước không cần nắm giữ cổ phần: **14 DN**

Tên doanh nghiệp	Hình thức chuyển đổi	Vốn nhà nước (Tr.đồng)
1. Công ty xây lắp điện Bắc Thái	CPH	2.039,0
2. Công ty May Thái Nguyên	CPH	3.138,0
3. Xí nghiệp chế biến thực phẩm	CPH	1.342,0
4. Công ty XD hạ tầng & sản xuất VLXD	CPH	1.754,0
5. Công ty sản xuất dịch vụ tổng hợp Thái Nguyên	CPH	806,0
6. Công ty xây dựng số II	CPH	896,0
7. Công ty xây dựng Đô thị	CPH	1.781,0
8. Công ty XD và khai thác than Thái Nguyên	CPH	786,0
9. Nhà máy xi măng Cao Ngạn	CPH	1.857,0
10. Công ty công trình giao thông I	CPH	4.156,0
11. Công ty Xuất nhập khẩu Thái Nguyên	CPH	4.123,0
12. Công ty dịch vụ Khách sạn Thái Nguyên	CPH	3.944,0
13. Công ty lâm sản Bắc Thái	CPH	1.494,0
14. Công ty Dược Thái Nguyên	CPH	4.117,0
Cộng:		**32.233,0**

d) Các DNNN thực hiện Bán doanh nghiệp: 6 Doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp	Hình thức chuyển đổi	Vốn nhà nước (Tr.đồng)
1. Công ty Gạch ngói Cao ngạn	Bán	800,0
2. Công ty Thương nghiệp I Thái Nguyên	Bán	2.485,0
3. Công ty tấm lợp và VLXD	Bán	2.163,0

Tên doanh nghiệp	Hình thức chuyển đổi	Vốn nhà nước (Tr.đồng)
4. Công ty xây dựng Thái Nguyên	Bán	1.851,0
5. Công ty xây dựng số 1	Bán	657,0
6. Công ty Khoáng sản Thái Nguyên	Bán	786,0
Cộng:		**8.742,0**

3) Số lượng DNNN chờ hướng dẫn của trên sẽ thực hiện sắp xếp đúng theo quy định: 4 doanh nghiệp:

Tên doanh nghiệp	Vốn nhà nước (Tr.đồng)
1. Lâm trường Võ Nhai	1.995,0
2. Lâm trường Định Hoá	1.634,0
3. Lâm trường Đại từ	1.507,0
4. Nông trường Phú Lương	352,0
Cộng:	**5.488,0**

4) Số lượng DNNN bị sáp nhập: Xí nghiệp nước khoáng và nước giải khát , vốn nhà nước: 196,0 triệu đồng

5) Số lượng DNNN bị giải thể: CTy Dâu tằm tơ Thái Nguyên, vốn nhà nước: 1.078,0 triệu đồng (trong đó có tách Xí nghiệp Ươm tơ để thành lập Công ty cổ phần)

6) Số lượng DNNN bị phá sản: không

7) Dự kiến số lượng DNNN thực hiện khoán kinh doanh, cho thuê: Không

8) Kế hoạch sắp xếp đến 2005:

- Năm 2002: Dự kiến sắp xếp 16 doanh nghiệp như sau.

Tên doanh nghiệp	Hình thức chuyển đổi	Vốn nhà nước (tr.đồng)
1. Công ty xây lắp điện Bắc Thái	CPH	2.039,0
2. Công ty May Thái Nguyên	CPH	3.138,0
3. Xí nghiệp chế biến thực phẩm	CPH	1.342,0
4. Công ty XD hạ tầng & sản xuất VLXD	CPH	1.754,0
5. Công ty xây dựng số II	CPH	896,0
6. Công ty xây dựng Đô thị	CPH	1.781,0
7. Công ty Xuất nhập khẩu Thái Nguyên	CPH	4.123,0
8. Công ty lâm sản Bắc Thái	CPH	1.494,0
9. Công ty xây dựng số I	Bán	657,0
10. Công ty xây dựng Thái Nguyên	Bán	1.851,0
11. Công ty Thương nghiệp I Thái Nguyên	Bán	2.485,0
12. Công ty tấm lợp và VLXD	Bán	2.163,0
13. Công ty Gạch ngói Cao ngạn	Bán	800,0
14. Công ty Khoáng sản Bắc Thái	Bán	786,0
15. Xí nghiệp nước khoáng và nước giải khát	Sáp nhập	196,0
16. Công ty Dâu tằm tơ Thái Nguyên	Giải thể	1078
Cộng		**26.583,0**

- năm 2003: Kế hoạch sắp xếp 16 doanh nghiệp như sau.

Tên doanh nghiệp	Hình thức chuyển đổi	Vốn nhà nước (tr.đồng)

Tên doanh nghiệp	Hình thức chuyển đổi	Vốn nhà nước (tr.đồng)
1. Công ty xổ số kiến thiết Thái Nguyên	Chuyển thành CTy TNHH 1 Thành viên	1016,0
2. CTy quản lý khai thác công trình thuỷ lợi	Chuyển thành CTy TNHH 1 Thành viên	886.323,0
3. CTy quản lý và sửa chữa cầu đường bộ TN	CPH	3.764,0
4. Xí nghiệp In Bắc Thái	CPH	1.470,0
5. CTy tư vấn xây dựng Thái Nguyên	CPH	646,0
6. CTy tư vấn xây dựng giao thông	CPH	448,0
7. CTy tư vấn XD nông nghiệp và PT nông thôn TN.	CPH	684,0
8.Công ty Muối Iốt	CPH	2.593,0
9. CTy sách thiết bị trường học	CPH	1.882,0
10. CTy Phát hành sách Thái Nguyên	CPH	1.356,0
11. Công ty Thương nghiệp II Thái Nguyên	CPH	4.061,0
12. Công ty sản xuất dịch vụ tổng hợp Thái Nguyên	CPH	806,0
13. Công ty XD và khai thác than Thái Nguyên	CPH	786,0
14. Công ty Dược Thái Nguyên	CPH	4.117,0
15. Công ty công trình giao thông I	CPH	4.156,0
16. Công ty dịch vụ Khách sạn Thái Nguyên	CPH	3.944,0
Cộng		**918.052,0**

- năm 2004: Kế hoạch sắp xếp 08 doanh nghiệp như sau.

Tên doanh nghiệp	Hình thức chuyển đổi	Vốn nhà nước (tr.đồng)
1. CTy quản lý đô thị Thái Nguyên	CPH	3.486,0

Tên doanh nghiệp	Hình thức chuyển đổi	Vốn nhà nước (tr.đồng)
2. Công ty cấp nước Thái Nguyên	CPH	15.841,0
3. Nhà máy xi măng Cao Ngạn	CPH	1.857,0
4. CTy vật tư nông lâm nghiệp thuỷ lợi	CPH	6.438,0
5. Lâm trường Võ Nhai	CPH	1.995,0
6. Lâm trường Định Hoá	CPH	1.634,0
7. Lâm trường Đại từ	CPH	1.507,0
8. Nông trường Phú Lương	CPH	352,0
Cộng		**33.110,0**

C/ PHÂN TÍCH TỔNG QUAN VỀ PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỪ 2002 - 2005

1- Số DNNN duy trì 100% vốn: 2 Doanh nghiệp

- Tổng vốn nhà nước: 887.740,0 triệu đồng

- Tỷ trọng số DNNN và vốn nhà nước của DNNN cần duy trì 100% sở hữu nhà nước so với trước:

+ Tỷ trọng số DNNN duy trì 100% = 2 DN = 3,84%

+ Tỷ trọng vốn: 89,0%

2 - Tỷ trọng số DNNN và số vốn nhà nước của doanh nghiệp sẽ thực hiện cổ phần hoá.

Trong đó:

a) Nhà nước nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần: 4 doanh nghiệp:

- vốn: 24.562,0 triệu đồng

+ Tỷ trọng số DNNN: 7,69%

+ Tỷ trọng vốn: 2,46%

b) Nhà nước nắm giữ cổ phần ở mức thấp (20%) hoặc không nắm cổ phần: 22 doanh nghiệp , tổng số vốn: 50.341,0 triệu đồng.

+ Tỷ trọng số DNNN: 42,3%

+ Tỷ trọng vốn: 5,1%

c) Số DNNN bán là: 6 doanh nghiệp , tổng số vốn: 8.742,0 triệu đồng.

+ Tỷ trọng số DNNN: 11,53%

+ Tỷ trọng vốn: 0,87%

4) Tỷ trọng số DNNN và số vốn của Doanh nghiệp sẽ sáp nhập là: 1 doanh nghiệp, vốn: 192,0 triệu đồng.

+ Tỷ trọng số DNNN: 1,92%

+ Tỷ trọng vốn: 0,02% .

5) Tỷ trọng số DNNN và số vốn của DNNN sẽ giải thể: 1 doanh nghiệp; vốn: 1.078,0 triệu đồng.

+ Tỷ trọng số DNNN: 1,92%

+ Tỷ trọng vốn: 1% .

6) Tỷ trọng số DNNN và số vốn DNNN chờ hướng dẫn mới sắp xếp: 5 doanh nghiệp, vốn: 5.488,0 triệu đồng.

+ Tỷ trọng số DNNN: 9,6%

+ Tỷ trọng vốn: 0,55%

7) Các vấn đề khác:

- Số lượng lao động cần sắp xếp: **1900 người**
- Tổng số kinh phí cho xử lý lao động dôi dư: **52 tỷ đồng**
- Tổng số công nợ cần xử lý: **36,5 tỷ đồng.**

D/ BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

I/ Biện pháp:

1- Căn cứ văn bản của Trung ương, Tỉnh uỷ đã có Thông báo kết luận số 75 và số 84 - TB/TU để chỉ đạo cụ thể, cơ bản đến 2005 phải thực hiện xong việc sắp xếp, đổi mới và phát triển DNNN đối với doanh nghiệp nhà nước do UBND tỉnh thành lập.

2- UBND tỉnh ra Quyết định thành lập Ban Đổi mới phát triển DNNN của tỉnh do đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư là Phó ban thường trực và 1 tổ chuyên viên trưng tập 4 đồng chí do đồng chí Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư làm tổ trưởng.

3- Căn cứ đề án sắp xếp đổi mới DNNN được Chính phủ phê duyệt, UBND tỉnh ra Quyết định giao kế hoạch sắp xếp, đổi mới và phát triển DNNN năm 2002 là 15 doanh nghiệp và thông báo tiếp theo số DNNN sắp xếp các năm 2003 - 2004 vào tháng 9/2002.

4- UBND tỉnh thông báo kế hoạch sắp xếp, đổi mới DNNN tỉnh Thái Nguyên cơ bản đến hết 2004 thì xong. Riêng 4 doanh nghiệp Lâm trường sẽ tổ chức có hình thức cụ thể khi có hướng dẫn của trên.

5- Qúa trình sắp xếp, luôn quán triệt quan điểm ổn định, phát triển cho các doanh nghiệp, giữ vững sản xuất, quan tâm đến giải quyết các vấn đề hậu

sắp xếp, đổi mới phát triển, đảm bảo thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 3 và pháp luật hiện hành.

II/ Kiến nghị:

- Chính phủ đã có các Nghị định 64/2002/NĐ-CP ngày 19/6/2002, Nghị định 69/2002/NĐ-CP ngày 12/7/2002; Nghị định 41/2002/NĐ-CP ngày 11/4/2002. Tuy nhiên, các văn bản hướng dẫn của các Bộ ngành trung ương còn chậm, thiếu đồng bộ. Do đó hạn chế trong việc phổ biến, tuyên truyền cho cán bộ công nhân viên chức và việc triển khai thực hiện. Vì vậy đề nghị các Bộ ngành trung ương sớm có các văn bản hướng dẫn và tổ chức tập huấn cụ thể để tổ chức thực hiện và nghiên cứu hướng dẫn cho xử lý nợ tồn đọng đối với doanh nghiệp vay vốn từ Quỹ hỗ trợ phát triển để đầu tư sản xuất nay kinh doanh thua lỗ như xử lý nợ tồn đọng đối với các nguồn vay tại Ngân hàng thương mại.

- Do các doanh nghiệp địa phương chủ yếu có quy mô vừa và nhỏ, vốn nhà nước tại các doanh nghiệp thấp. Khi thực hiện sắp xếp cổ phần hoá cơ bản chi đủ vốn để ưu đãi giảm giá theo năm công tác cho người lao động, ưu đãi chậm trả cho người nghèo trong doanh nghiệp và chi phí cổ phần hoá. Trong điều kiện ngân sách địa phương có hạn đề nghị Chính phủ, Bộ tài chính quan tâm có kế hoạch bổ sung nguồn kinh phí cho Quỹ hỗ trợ sắp xếp cổ phần hoá DNNN của tỉnh để đảm bảo đủ nguồn vốn sử dụng theo các nội dung quy định tại Nghị định 64/2002/NĐ-CP.

- Chính phủ hỗ trợ kinh phí giải quyết chế độ cho người lao động theo Nghị định 41/2002/NĐ-CP và cho địa phương được áp dụng Nghị định này giải quyết số lao động dôi dư của 4 DNNN đã bán cho người lao động nay thành lập Công ty cổ phần có Đăng ký kinh doanh từ 01/1/2002 đến nay.

- Đề nghị Chính phủ, các Bộ ngành trung ương tiếp tục có các chương trình bồi dưỡng kiến thức quản lý cho đội ngũ lãnh đạo doanh nghiệp, đặc biệt quan tâm tới kiến thức quản lý tài chính, Luật doanh nghiệp, để đảm bảo các doanh nghiệp thực hiện tốt sau chuyển đổi.

- Trung ương sớm có hướng dẫn hoạt động của tổ chức Đảng, đoàn thể trong Công ty cổ phần.

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN



Nguyễn Văn Kim

Phụ lục số 1

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DNNN TỈNH THÁI NGUYÊN

Tên cơ quan: .....

Địa chỉ liên hệ: *17 - Đường Đội Cấn - Phường Trưng Vương - TP. Thái Nguyên*

Điện thoại: *0280.855688 - 754879 - 854445.*

Danh mục	ĐV tính	1999	2000	2001
1. Tổng số DNNN	DN	40	40	40
Trong đó DN công ích	DN	6	6	6
1.1- Số DN có lãi	DN	21	21	19
1.2- Số DN hoà vốn	DN	4	4	6
1.3- Số DN thua lỗ	DN	15	15	15
1- Vốn thuộc sở hữu nhà nước	Tr.đồng	143436.06	114836.95	977745.32
1.1 - Vốn ngân sách cấp	Tr.đồng	125202.42	93499.59	955352.16
1.2- Vốn tự bổ sung	Tr.đồng	21230.64	21327.26	22393.16
2- Tổng số lao động	Người	7482	8443	8701
Trong đó chờ sắp xếp	Người	884	935	1160
3- Diện tích đất sử dụng	Ha	17036.6	17016.6	11724.5
Trong đó diện tích đất có cây trồng	Ha	4201.37	4301.37	4303.37
4- Kết quả kinh doanh	Tr.đồng			
4.1- Tổng doanh thu	Tr.đồng	445097.93	533249.3	605262.89
trong đó kim ngạch XK	USD	3663737.3	8115285.8	5290486.79
4.2- lãi thực hiện(trước thuế)	Tr.đồng	4786.19	3721.417	5725.04
4.3- Lỗ (cộng dồn)	Tr.đồng	19970.68	23574.56	26910.08
5- Tổng nộp ngân sách	Tr.đồng	20294.82	20904.21	19914.89
Trong đó: Thuế VAT	Tr.đồng	10694.01	12120.57	10499.59
Thuế thu nhập	Tr.đồng	883.03	954.95	1290.54
Thuế xuất nhập khẩu	Tr.đồng	4350.8	3129.1	583.1
Thuế tiêu thụ đặc biệt	Tr.đồng	726.9	756.61	739.17
Thu sử dụng vốn	Tr.đồng	549.41	210.8	218.8
Phải nộp khác	Tr.đồng	3105.95	3666.88	6582.84
6- Tổng nợ phải trả	Tr.đồng	259477.95	348860.13	391901.38
Trong đó: - Nợ ngân sách	Tr.đồng	6222.77	6204.49	11174.43
- Nợ Ngân hàng	Tr.đồng	140041.14	150579.3	210683
7- Tổng nợ phải thu	Tr.đồng	138292.24	189342.51	213660.33
Trong đó: nợ khó đòi	Tr.đồng	7020.2	9205.4	9407.36

Ngày tháng 9 năm 2002

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

K/T. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
TRẦN VĂN KHA

Phụ lục số 2b

DANH MỤC DOANH NGHIỆP ĐÃ SẮP XẾP THEO CHỈ THỊ SỐ 20/1998/CT-TTG

Số TT	Danh mục	Địa chỉ Điện thoại	Vốn NN khi sắp xếp (tr.đ)	Số LĐ	Tên CTy CP	Loại hình CPH	Vốn điều lệ (tr.đ)	Số, ngày Q/định	Ngày đại hội CĐ	Ngày ĐKKD	Vốn NN tham gia (tr.đ)
I	CỔ PHẦN HOÁ										
	1.1 DNNN ĐỘC LẬP										
	a) CTy Vận tải Thái Nguyên	P.Đồng Quang, TPTN, Tỉnh TN. 0280.855685	6592.0	275	CTy CP vận tải Thái Nguyên	Giữ nguyên vốn NN, phát hành thêm Cổ phiếu	7.297.5	3889/QĐ-UB 26/12/1998	28/12/1998	9/1/1999	5.100,0
	b) CTy Giấy Xuất khẩu Thái Nguyên	P.Tân Long, TP.Thái Nguyên, tỉnh TN 0280.844202	388.0	304	CTy CP giấy xuất khẩu Thái Nguyên	Bán 1 phần vốn NN	1.000.0	4649/QĐ-UB 31/12/2000	10/01/2001	08/02/2001	13.3.0
	c) CTy Đá ốp lát và VLXD	TT Chùa Hang, H.Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. 0280.820144	391.7	150	CTy CP Đá ốp lát và VLXD	Bán toàn bộ vốn NN	1.000.0	4491/QĐ-UB 19/11/2001	28/11/2001	13/12/2001	
	d) CTy công trình giao thông II	P. Quang Trung, TPTN 0280.750920	1.274.9	189	CTy CP xây dựng giao thông II Thái Nguyên	Giữ nguyên vốn NN, phát hành thêm CP	2.025.0	5138/QĐ-UB 28/12/2001	07/01/2002	10/01/2002	500.0
	đ) CTy Khách sạn du lịch công đoàn Hồ Núi Cốc	Xã Tân Thái-Đại Từ-Thái Nguyên 0280.825312	2.775.3	153	CTy CP Khách sạn du lịch công đoàn Hồ Núi Cốc	Bán 1 phần vốn NN	3.500.0	4992/QĐ-UB 21/12/2001	29/12/2001	02/01/2002	700.0
	e) CTy cơ khí 3-2	P.Tân Long, TPTN.tỉnh TN. 0280.844102	650.0	43	CTy CP cơ khí 3-2 Thái Nguyên	Bán toàn bộ vốn NN	800.0	4730/QĐ-UB 06/12/2001	29/12/2001	08/01/2002	
	f) CTy xây dựng nông nghiệp và PT nông thôn Thái Nguyên	P. Quang Trung, TPTN, tỉnh TN. 0280.855592	1.897.6	159	CTy CP xây dựng nông nghiệp và PT nông thôn TN	Bán 1 phần vốn NN	3000.0	5177/QĐ-UB 29/12/2001	18/01/2002	31/01/2001	600.0
	1.2. BỘ PHẬN DOANH NGHIỆP										
	- Xí nghiệp bê tông và xây dựng Thái Nguyên	P. Phan Đình Phùng, TPTN, tỉnh TN. 0280.858486	680.0	111	CTy CP bê tông và xây dựng Thái Nguyên	Bán 1 phần vốn NN	2.200.0	3511/QĐ-UB 11/11/1999	13/11/1999	22/11/1999	433.0

Phụ lục số 2b

Số TT	Danh mục	Địa chỉ Điện thoại	Vốn NN khi sắp xếp (tr.đ)	Số LĐ	Tên CTy CP	Loại hình CPH	Vốn điều lệ (tr.đ)	Số, ngày Q/định	Ngày đại hội CĐ	Ngày ĐKKD	Vốn NN tham gia (tr.đ)
2	BÁN										
	2.1 CTy Dụ lịch và thương mại Thái Nguyên	P. Trưng Vương, TPTN, tỉnh TN. 0280.855689	87,9	65	CTy CP du lịch thương mại Thái Nguyên	Bán	1.000,0	3665/QĐ-UB 26/9/2001	31/1/2002	11/3/2002	-
	2..2 CTy nông sản thực phẩm Thái Nguyên	P.Trưng Vương, TPTN, tỉnh TN 0280.855364	73,0	49	CTy CP thương mại tổng hợp Thái Nguyên	Bán	1.200,0	5248/QĐ-UB 31/12/2001	18/1/2002	28/1/2002	-
	2.3 CTy vật phẩm văn hoá tổng hợp Thái Nguyên	P. Hoàng Văn Thụ, TPTN 0280.855628	214,5	62	CTy CP vật phẩm văn hoá tổng hợp Thái Nguyên	Bán	1.641,0	4647/QĐ-UB 31/12/2001	19/1/2002	12/2/2002	-
	2.4 CTy vật liệu xây dựng số 1 Thái Nguyên	P. Tân Long, TPTN, tỉnh TN 0280.844255	79,9	81	CTy CP vật liệu và xây dựng Tân Long	Bán	500,0	4651/QĐ-UB 31/12/2000	20/3/2001	13/4/2001	-
	Cộng:.		15.104,8	1641			25.163,5				7.470,0

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

K/T. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN VĂN KIM

Phụ lục số 2c

DANH MỤC DOANH NGHIỆP ĐÃ SẮP XẾP THEO CHỈ THỊ SỐ 20/1998/CT-TTG

Số TT	Danh mục	Địa chỉ Điện thoại	Vốn NN khi sắp xếp (tr.đ)	Số LĐ	Số, ngày Q/định	Ghi chú
1	**Chuyển sự nghiệp có thu**	Không có				
2	**Sáp nhập, Hợp nhất**	Không có				
3	**Chuyển đi nơi khác**	Không có				
4	**Phá sản**	Không có				
5	**Giải thể .**					
	5.1 CTy Thuốc lá Bắc Thái	P. Hoàng Văn Thụ, TPTN, tỉnh Thái Nguyên	193,0	53	2584/QĐ-UB 30/9/1998	đã hoàn thành năm 2001
	5.2 CTy Điện tử Việt Thái	P. Phan Đình Phùng, TPTN, tỉnh Thái Nguyên	2.298,6	62	1201/QĐ-UB 24/4/1999	Chưa giải thể xong
	Cộng:		2491,6	115		

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

K/T. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN VĂN KIM

PHỤ LỤC PHÂN LOẠI DNNN THEO KẾT QUẢ SẢN XUẤT - KINH DOANH
(Số liệu tính đến 31/12/2001)

Số TT	TÊN DOANH NGHIỆP	Kết quả SX-KD (Tr.đồng)	
		Lỗ cộng dồn	Lãi trước thuế
I	**Doanh nghiệp thua lỗ: 15 Doanh nghiệp**	**26910.08**	
	1. Công ty muối Iốt	9,48	
	2. Công ty Thương nghiệp I	1.495,0	
	3. Công ty Thương nghiệp II	310,0	
	4. CTy xổ số kiến thiết Thái Nguyên	188,0	
	5. Công ty vật tư nông lâm nghiệp thuỷ lợi	754,2	
	6. Lâm trường Định Hoá	54,0	
	7. Công ty Dâu tằm tơ Thái Nguyên	9.312,0	
	8. Công ty Khoáng sản Thái Nguyên	635,7	
	9. Xí nghiệp chế biến thực phẩm	1.438,7	
	10. Công ty xây dựng số 1	312,0	
	11. Công ty Gạch ngói Cao Ngạn	4.931,4	
	12. Công ty tấm lợp và VLXD	3.298,6	
	13. Công ty xây dựng Thái Nguyên	665,0	
	14. Nhà máy xi măng Cao Ngạn	3.214,2	
	15. Công ty phát hành sách	291,8	
II	**Doanh nghiệp có lãi: 19 Doanh nghiệp**		**5725,04**
	1. Công ty Dịch vụ khách sạn Thái Nguyên		9,1
	2. Công ty Quản lý Đô thị		618,0
	3. Công ty công trình giao thông 1		526,4
	4. Công ty quản lý & sửa chữa đường bộ TN.		420,0
	5. Công ty quản lý khai thác công trình thuỷ lợi TN.		171,0
	6. Công ty tư vấn xây dựng nông nghiệp & PTNT Thái Nguyên		171,1
	7. Lâm trường Đại Từ		5,0

Số TT	TÊN DOANH NGHIỆP	Kết quả SX-KD (Tr.đồng)	
		Lỗ cộng dồn	Lãi trước thuế
	8. Lâm trường Võ Nhai		35,5
	9. Công ty sản xuất dịch vụ tổng hợp TN.		12,0
	10. CTy xây lắp điện Bắc Thái		1.055,0
	11. CTy xây dựng hạ tầng và sản xuất VLXD		5,0
	12. CTy xây dựng khai thác than TN.		270,0
	13. CTy tư vấn xây dựng Thái Nguyên		52,0
	14. CTy xây dựng số 2		38,1
	15. CTy xây dựng Đô thị		111,7
	16. Xí nghiệp In Bắc Thái		200,0
	17. CTy sách thiết bị trường học		166,0
	18. CTy Dược Thái Nguyên		214,0
	19. CTy cấp nước Thái Nguyên		887,34
III	**Doanh nghiệp hoà vốn: 5 Doanh nghiệp**		
	1. Công ty xuất nhập khẩu Thái Nguyên		
	2. Công ty tư vấn xây dựng giao thông		
	3. Công ty Lâm sản Bắc Thái		
	4. Nông trường Phú Lương		
	5. Công ty May Thái Nguyên		
IV	**Doanh nghiệp hiện không thực hiện SXKD: 1DN**		
	- Xí nghiệp nước khoáng và nước giải khát		

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

K/T. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN VĂN KIM

47

ỦY BAN NHÂN DÂN
Tỉnh/Thành phố .....
Thái Nguyên
Số: 2427 QĐ/UB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TP/HT-1999-G.2
Số: .....
Quyển số: .....

Thái Nguyên ngày 15 tháng 8 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH
CHO PHÉP THAY ĐỔI, CẢI CHÍNH HỘ TỊCH, XÁC ĐỊNH LẠI DÂN TỘC TRONG GIẤY KHAI SINH

ỦY BAN NHÂN DÂN Tỉnh Thái Nguyên .....

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân ngày 21 tháng 6 năm 1994.
Căn cứ Nghị định số 83/1998/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 1998 của Chính phủ về Đăng ký hộ tịch;
Xét Đơn của Ông/Bà: NGUYỄN THỊ BÍCH ĐIỆP .....
.....
Về việc: Xin xác định lại dân tộc .....
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp: Thái Nguyên Tại công văn Số: 786/CV-TP ,
Ngày 08/8/2002

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Cho phép (1): .....
NGUYỄN THỊ BÍCH ĐIỆP .....
Nơi thường trú/Tạm trú (2): Tổ 29 Phường Tân Thịnh - Thành phố Thái Nguyên.
Tỉnh Thái Nguyên .....
Giấy CMND/Giấy tờ hợp lệ thay thế (3): CMND Số: 090678460 .....
Số: .....
Cấp tại: Công an Thái Nguyên ....., ngày 31 tháng 3 năm 1993 ...
Được : .....
Xác định lại dân tộc .....
Trong Giấy khai sinh số .... 462 ..... Quyển số: .....
Cấp tại: Uỷ ban hành chính TP Thái Nguyên ngày 20 tháng 8 năm 1960 ....
Từ: .....
Dân tộc Kinh .....
Thành: ..... Dân tộc Tày .....
.....

01/2002 (QĐ số: 1203 QĐ/TP-HT) QĐ.1